BÀI 1: ĐIỀN TỪ CÒN THIẾU

1. わたし____Triet です。
2. わたし____ねこ____すきです。
3. A さん_____いぬ_____すきです_____。

   _____、すきではありません。

4. ー　わたしは　ねこが　すきです。

   ー　B さん_____ねこ　____すきですか。

   ー　_____、すきです。

BÀI 2: DỊCH SANG TIẾNG VIỆT, TIẾNG NHẬT

1. A さんはがくせいです。(がくせい: học sinh)

→

2. B さんはいしゃではありません。(いしゃ: bác sỹ)

→

3. Tôi là học sinh.

→

4. Tôi không phải là học sinh.

→

LIVEWORKSHEETS